

Bản án số: 36/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29-3-2024

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Viên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Lệ Thanh.

2. Ông Hoàng Luật.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Phước – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 461/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Kim Y, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Tổ 3, ấp Hòa Thành, xã N, huyện D, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Anh Hồ Nguyên T, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Tổ 3, ấp Hòa Thành, xã N, huyện D, tỉnh Đồng Nai.

(*Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim Y trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hồ Nguyên T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện D, tỉnh Đồng Nai, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 20/7/2004. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, anh T không chăm lo cho gia đình, vợ con. Vì những điều này mà vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng trong cuộc sống. Bản thân chị đã cố

gắng chịu đựng nhưng anh T vẫn không thay đổi, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên chị và anh T đã sống ly thân từ đầu năm 2023 cho đến nay. Nay chị nhận thấy không còn tình cảm với anh T nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hồ Nguyên T.

- Về con chung: Chị và anh T có 03 con chung Hồ Nguyễn Hoài N, sinh ngày 20/01/2006, Hồ Nguyễn Phương T, sinh ngày 07/01/2008 và Hồ Nguyễn Phương A, sinh ngày 13/6/2014. Khi ly hôn chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung là cháu N, cháu T và cháu A.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng mỗi con chung 1.000.000 đồng/tháng, tổng 03 con chung là 3.000.000 đồng/tháng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực cho đến khi cháu N, cháu T và cháu A đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 10/01/2024 bị đơn là anh Hồ Nguyên T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Kim Y tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện D, tỉnh Đồng Nai, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 20/7/2004. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bản thân anh không chăm lo cho gia đình nên từ đó vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, bất hòa và hiện tại vợ chồng đã sống ly thân. Nay chị Y yêu cầu được ly hôn với anh thì anh không đồng ý vì anh còn yêu thương chị Y.

- Về con chung: Anh và chị Y có 03 con chung Hồ Nguyễn Hoài N, sinh ngày 20/01/2006, Hồ Nguyễn Phương T, sinh ngày 07/01/2008 và Hồ Nguyễn Phương A, sinh ngày 13/6/2014. Khi ly hôn anh đồng ý giao 03 con chung là cháu N, cháu T và cháu A cho chị Y được trực tiếp nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mỗi con chung 1.000.000 đồng/tháng, tổng 03 con chung là 3.000.000 đồng/tháng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực cho đến khi cháu N, cháu T và cháu A đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; về quan hệ pháp luật, xác định tư cách pháp lý của đương sự, thẩm quyền thụ lý của Tòa án, thủ tục thu thập chứng cứ đúng quy định; quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ, thủ tục cấp tổng đạt cho các đương sự đảm bảo theo quy định pháp luật. Các quyền nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo thực hiện. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật.

Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Tình trạng hôn nhân giữa chị Y và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; chị Y và anh T đã sống ly thân không ai còn quan tâm, chăm sóc cho nhau nên yêu cầu xin ly hôn của chị Y là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Y.

Về con chung: Chị Y và anh T có 03 con chung Hồ Nguyễn Hoài N, sinh ngày 20/01/2006, Hồ Nguyễn Phương T, sinh ngày 07/01/2008 và Hồ Nguyễn Phương A, sinh ngày 13/6/2014. Hiện tại các con chung sống cùng với chị Y, được chị Y chăm sóc tốt, các con chung phát triển bình thường, khỏe mạnh; các con chung cũng có nguyện vọng được sống cùng với chị Y. Qua thu thập tài liệu tại chính quyền địa phương thể hiện chị Long là người có đạo đức tốt, có nghề nghiệp ổn định. Mặt khác, anh T cũng đồng ý giao các con chung cho chị Y nuôi dưỡng. Vì vậy, đề nghị hội đồng xét xử giao các con chung cho chị Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng: Chị Y yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mỗi con chung 1.000.000 đồng/tháng, tổng 03 con chung là 3.000.000 đồng/tháng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực cho đến khi cháu N, cháu T và cháu A đủ 18 tuổi và có khả năng lao động và anh T cũng đồng ý với yêu cầu của chị Y. Do đó, buộc anh T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mỗi tháng 3.000.000đ/03 con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim Y chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh Hồ Nguyễn T có nơi cư trú tại xã N, huyện D, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện D theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị Kim Y yêu cầu khởi kiện ly hôn với anh Hồ Nguyễn T, yêu cầu giải quyết về con chung nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về xác định tư cách đương sự: Chị Nguyễn Thị Kim Y là nguyên đơn; anh Hồ Nguyên T là bị đơn theo Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim Y và bị đơn anh Hồ Nguyên T đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[5] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Chị Y và anh T tự nguyện đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Ngọc Định, huyện D, tỉnh Đông Nai, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 20/7/2004 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu khởi kiện của chị Y: Chị Y xin ly hôn với lý do anh T không chăm lo cho gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm sống và chị Y cũng không còn tình cảm với anh T, anh T cũng thừa nhận vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân. Qua thu thập chứng cứ tại chính quyền địa phương thể hiện: Vợ chồng chị Y và anh T thật sự có mâu thuẫn, vợ chồng đã không còn chăm lo cho nhau.

Qua xem xét lời trình bày của chị Y, anh T và chứng cứ Tòa án thu thập được có đủ căn cứ xác định vợ chồng chị Y và anh T thật sự đã có mâu thuẫn, vợ chồng đã không còn quan tâm chăm sóc nhau, vi phạm quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 dẫn đến hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy, cuộc sống vợ chồng giữa chị Y và anh T đã có mâu thuẫn, khả năng đoàn tụ không có nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Y, giải quyết cho chị Y được ly hôn với anh T theo Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Về con chung: Chị Y và anh T có 03 con chung Hồ Nguyễn Hoài N, sinh ngày 20/01/2006, Hồ Nguyễn Phương T, sinh ngày 07/01/2008 và Hồ Nguyễn Phương A, sinh ngày 13/6/2014. Khi ly hôn chị Y yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung và anh T cũng đồng ý với yêu cầu trên. Xét thấy các con chung hiện đang chung sống với chị Y, hiện các con chung đang phát triển bình thường, khỏe mạnh, được đi học đầy đủ và đều có nguyện vọng muốn sống cùng với chị Y. Đồng thời chị Y cũng có thu nhập ổn định, có đạo đức tốt. Xét thấy việc giao cháu N, cháu T và cháu A cho chị Y nuôi dưỡng để đảm bảo sự ổn định về các tâm sinh lý cũng như sự phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi của con chung chưa thành niên, căn cứ vào Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao các con chung là cháu N, cháu T và cháu A cho chị Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khi ly hôn.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Y yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mỗi con chung 1.000.000 đồng/tháng, tổng 03 con chung là 3.000.000 đồng/tháng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực cho đến khi cháu N, cháu T và cháu A đủ 18 tuổi và có khả năng lao

động, anh T cũng đồng ý yêu cầu của chị Y. Do đó, buộc anh T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mỗi tháng 3.000.000đ/03 con chung cho đến khi cháu N, cháu T và cháu A đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Anh T có quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở. Vì quyền lợi của con chung chưa thành niên các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim Y chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình. Anh Hồ Nguyên T chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với việc cấp dưỡng nuôi con theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 19, 51, 56, 81, 82, 83, 84, 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1) Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim Y. Chị Nguyễn Thị Kim Y được ly hôn với anh Hồ Nguyên T.

2) Về con chung: Giao con chung Hồ Nguyễn Hoài N, sinh ngày 20/01/2006, Hồ Nguyễn Phương T, sinh ngày 07/01/2008 và Hồ Nguyễn Phương A, sinh ngày 13/6/2014 cho chị Y trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng khi ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con:

Anh Hồ Nguyên T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mỗi tháng 3.000.000đ/03 con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi

hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Anh T có quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở. Vì quyền lợi của con chung chưa thành niên các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3) Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4) Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim Y phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình được căn trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Y đã nộp theo biên lai số 0004734 ngày 14/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D. Chị Y đã nộp đủ án phí.

Anh Hồ Nguyên T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với việc cấp dưỡng nuôi con.

5) Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Kim Y và anh Hồ Nguyên T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ;
- Chi cục Thi hành án dân sự Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã N
(giấy CNKH số 41, ngày 20/7/2004);
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Viễn